



Chương 6

SỰ BIẾN ĐỔI CỦA HỌC THUYẾT KINH TẾ CỔ ĐIỂN



KHÁI QUÁT

**KINH TẾ CHÍNH TRỊ
CỔ ĐIỂN**

**CNXH
KHÔNG TƯỞNG**

**KTCT
TIỂU TƯ SẢN**

**KTCT
TẦM THƯỜNG**

6.1. Kinh tế chính trị tâm thường

1. Sự ra đời, đặc điểm và ý nghĩa của kinh tế chính trị tâm thường
2. Học thuyết kinh tế của J. Xây (J. Say)
3. Học thuyết kinh tế của Man tuýt (Malthus)
4. Học thuyết kinh tế của J. Min (J. Mill)
5. Trường phái Lịch sử

6.1.1. Nguồn gốc, đặc điểm của kinh tế chính trị tầm thường

* Nguồn gốc:

■ Kinh tế - xã hội:

- ✓ Đầu thế kỷ XIX, CM công nghiệp đã hoàn thành
- ✓ Năm 1825, cuộc khủng hoảng KT đầu tiên của CNTB
- ✓ Mâu thuẫn kinh tế - xã hội của CNTB ngày một gay gắt.

■ Lý luận:

KTCT cổ điển tan rã làm xuất hiện một số khuynh hướng:

- ✓ Phê phán CNTB trên tầm nhìn của giai cấp tiểu tư sản
- ✓ CNXH không tưởng
- ✓ Bảo vệ sự tồn tại vĩnh cửu của CNTB trong điều kiện lịch sử mới

- **Đặc điểm:**

- Là hệ thống lý luận KT của giai cấp TS trong thời kỳ cách mạng công nghiệp đã thắng lợi, nền sản xuất TBCN đã bộc lộ rõ nét cả tính ưu việt và mặt trái của nó.
- Về hình thức, kế thừa khuynh hướng nghiên cứu những mối liên hệ bên ngoài của cổ điển, phủ nhận việc nghiên cứu những mối liên hệ bên trong.
- Phát triển các phương pháp nghiên cứu những mối liên hệ bên ngoài như mô tả, thống kê, liệt kê...
- Khuynh hướng này phát triển ở nhiều nước như Anh, Pháp, Đức...

6.1.2. Học thuyết kinh tế của J. Xâý (Jean Baptise Say 1767 – 1832)

* Thân thế và sự nghiệp:

- Gia đình thương nhân lớn ở Pháp, là chủ xưởng lớn
- Từng làm ở Bộ tài chính Pháp, trưởng khoa KTCT ở một số trường ĐH Pháp.
- Tác phẩm kinh tế chủ yếu: “Giáo trình KTCT” 6 tập xuất bản từ 1828-1833
- Được đánh giá trái ngược: “Nhà bác học kinh tế vĩ đại”, “Vị hoàng tử khoa học nực cười”



* Quan niệm về đối tượng và phương pháp

- **Đối tượng:** KTCT là khoa học về sản xuất, phân phối và tiêu dùng của cải (*Bế ngoài giống A.Smith*)
- **Phương pháp:** Chỉ thừa nhận và nghiên cứu những mối liên hệ bên ngoài; Kế thừa phương pháp phi lịch sử của KTCT cổ điển
- Muốn tách kinh tế khỏi chính trị, biến KTCT thành môn khoa học thực hành (*Tân cổ điển kế thừa*).
- Đại biểu cho lợi ích của TB công nghiệp
- Ủng hộ cạnh tranh tự do, nhà nước không can thiệp vào kinh tế



* Lý thuyết về tính hữu dụng

- Giá trị hàng hóa do tính hữu dụng tạo ra, GTSD càng cao thì GT càng lớn. (*Ricardo phê phán: vàng đắt hơn sắt 2000 lần...*)

Đánh giá:

Tư tưởng này không có gì mới, chỉ hệ thống lại cái đã có từ trước (*Xê nô phôn*). Sau này phái Tân cổ điển kế thừa và phát triển thành lý thuyết tính hữu dụng giới hạn

* Lý thuyết về các nhân tố sản xuất và phân phối thu nhập

- **Ba nhân tố** sản xuất: Tư bản, lao động và ruộng đất; đều “có công” tạo ra công dụng hàng hóa. Công dụng truyền giá trị cho vật
- **Ba nguồn thu nhập**: Lao động sáng tạo ra tiền công, TB sáng tạo ra lợi tức, ruộng đất tạo ra địa tô; (không có bóc lột)

* Vai trò của tiến bộ kỹ thuật:

- Tiến bộ kỹ thuật có hiệu quả tốt với cả TB và công nhân (do giá cả hàng hóa rẻ đi).
- Tiến bộ kỹ thuật chỉ dẫn đến thất nghiệp tạm thời, không tự nguyện không thể có thất nghiệp triền miên.
 - Tiến bộ kỹ thuật có lợi nhất cho giai cấp lao động

* Thuyết tiêu thụ (“Quy luật Say”, “qui luật về nơi tiêu thụ”)

- Có sự cân bằng tự nhiên giữa SX và TD, giữa người bán và người mua trong xã hội TB.
- Mục đích của sản xuất TB không phải là giá trị mà là GTSD. Người bán đồng thời là người mua, tiền chỉ “bôi trơn”, thực ra là H-H;
- “tổng lượng cung” = “tổng lượng cầu”, không thể có khủng hoảng thừa.
- **Say kêu gọi:** mở rộng SX vô hạn độ, tự do cạnh tranh, tự do mậu dịch, chống lại sự can thiệp của nhà nước.



Đánh giá thuyết tiêu thụ

Lý thuyết gây nhiều tranh cãi, dẫn đến những quan điểm khác nhau:

- T là “dầu bôi trơn” – (*cổ điển*) được Say đẩy tới mức cực đoan.
- Tư tưởng trọng cung (*đề cao vai trò của SX*) được đẩy lên cao hơn (*Say sáng lập phái trọng cung*).
- Khủng hoảng KT do những yếu tố phi kinh tế (sự can thiệp của nhà nước) gây ra.
- Nền KT có sự cân bằng chung giữa SX và TD (*đã có từ TrN và CĐ*) được Say chứng minh; nhiều học thuyết sau ông đã kế thừa.

6.1.3. Học thuyết kinh tế của Mantuyt (*Thomas Robert Malthus* 1766 – 1934)

* Thân thế và sự nghiệp:

- Gia đình quý tộc, học ĐH ở Cambridge, trở thành mục sư
- 1798 xuất bản lần đầu cuốn “Bàn về qui luật nhân khẩu”, nổi tiếng nhưng bị phản ứng gay gắt.



* Qui luật nhân khẩu:

- Qui luật sinh học: dân số tăng theo cấp số nhân (25 năm-gấp đôi); tư liệu sinh hoạt tăng theo cấp số cộng, sẽ có một số người "thừa ra"
- Sự khốn cùng của XH do sự "keo kiệt" của tự nhiên, (*Con người phải buộc tội bản thân mình là chính*).
- Tự nhiên sinh ra những biện pháp điều tiết (*thói hư tật xấu, đói rét, bần cùng, thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh...*) XH điều tiết bằng đạo đức
- Mục đích: chống lại khuynh hướng XHCN

Nhận xét thuyết nhân khẩu

- Mang qui luật của loài vật áp đặt cho XH loài người, phủ nhận vai trò của tiến bộ kỹ thuật.
- Số liệu thống kê lấy ở Mỹ thế kỷ 16, 17, bỏ qua sự kiện tăng dân số cơ học do di dân.
- Dựa vào số liệu thống kê, rút ra qui luật thống kê, chỉ tin vào qui luật thống kê (mở ra khuynh hướng thực chứng trong KT học).
- Rung hồi chuông báo động về nạn tăng dân số quá mức.

Gây ra sự tranh cãi và đánh giá trái ngược: "*Nhà bác học vĩ đại*", "*Cuốn sách phỉ báng loài người, chống lại tự nhiên và nhân loại*"...

* Thuyết giá trị - chi phí

- Giá trị hàng hóa do chi phí sản xuất ra hàng hóa đó quyết định (*Kế thừa và phát triển định nghĩa 2 về giá trị của A.Smith*)
- Chi phí = chi phí mua LĐ vật hóa và LĐ sống + lợi nhuận của TB ứng trước (*lợi nhuận được coi là yếu tố cấu thành giá trị và là khoản cộng thêm vào khi bán*).

Phái Tân cổ điển sau này kế thừa và phát triển trong lý thuyết về giá cung.

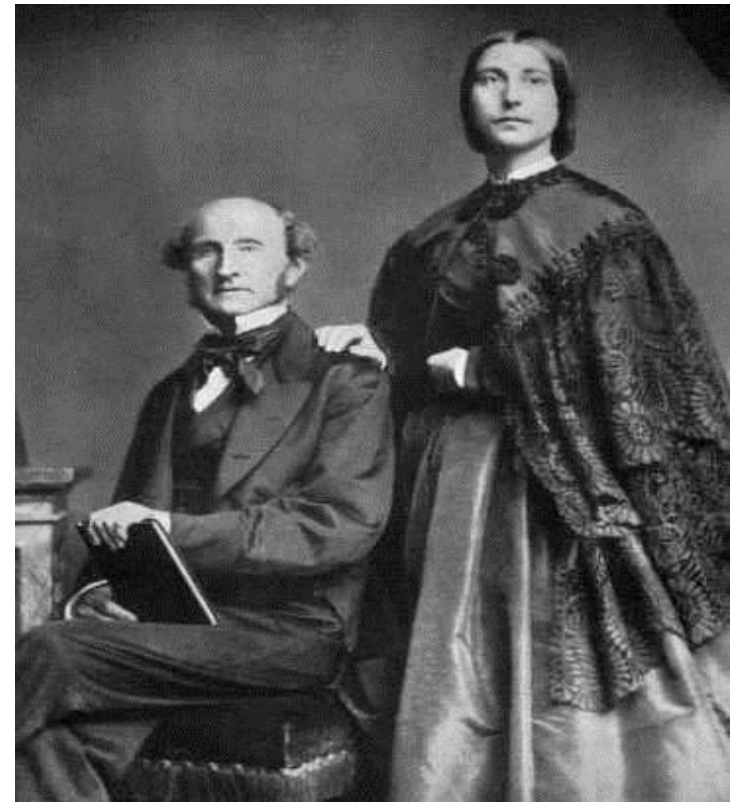
*Thuyết tiêu thụ

- Thừa nhận có khủng hoảng thừa do tiêu dùng không đủ (*Trái với Say*).
- Nguyên nhân: CN không thể mua hết số hàng hóa SX ra (*tổng tiền lương thấp hơn tổng giá trị hàng hóa một lượng bằng lợi nhuận*), nhà TB không muốn tiêu hết lợi nhuận (*muốn giàu có*).
- Cách giải quyết: giai cấp thứ ba chỉ tiêu thụ mà không sản xuất (*quí tộc, tầng lữ, cảnh sát...*)
- Mác phê phán: coi trọng cầu sinh hoạt mà bỏ qua cầu tư liệu sản xuất. Tìm đến giai cấp thứ ba nhưng giai cấp này lấy T ở đâu?

Keynes kế thừa trên 2 góc độ: trọng cầu và vai trò của nhà nước trong việc kích cầu và can thiệp trực tiếp vào KT.

6.1.4. John Stuart Mill (1806 – 1873)

- * **Thân thế, sự nghiệp**
 - 20/5/1806 - 8/5/1873
 - Nhà triết gia, KTCT người Anh.
 - Chịu ảnh hưởng tư tưởng của Bentham và Ricardo
 - Tác phẩm lớn nhất: “những nguyên lý về kinh tế chính trị”





6.1.4. John Stuart Mill (1806 – 1873)

* Lý luận giá trị hàng hóa

- Không chỉ LĐ sống mà cả LĐ vật hóa hay tư bản cũng tạo ra giá trị hàng hóa.
- Quan hệ cung cầu quyết định giá trị hàng hóa.
- Coi giá trị hàng hóa là “ giá chi phí sản xuất ”
- Việc sử dụng tiền không làm thay đổi quy luật về giá trị.

Tiền và hàng là cung và cầu đối với nhau.

Đánh giá: tư tưởng này giống với tư tưởng “ sản phẩm được trao đổi với sản phẩm” của Xã



6.1.4. John Stuart Mill (1806 – 1873)

* **Quan niệm về tư bản, tiền công và lợi nhuận**

- Tư bản là kết quả của tích lũy, tiết kiệm.
- Tiền công bị chi phối bởi quan hệ cung cầu về lao động
- Lợi nhuận là thù lao cho sự tiết dục của nhà tư bản. Tổng số lợi nhuận phụ thuộc vào sức mạnh sx của lao động và việc phân chia giá trị tăng thêm.

* **Đánh giá:**

Xa rời lý luận trừu tượng, hướng vào những biểu hiện bên ngoài để giải thích các vấn đề kinh tế

6.2. Kinh tế chính trị Tiêu tư sản

6.2.1. Sự ra đời, đặc điểm, và ý nghĩa của KTCT Tiêu tư sản

- Hệ thống lý thuyết kinh tế đại biểu lợi ích cho giai cấp tiểu tư sản.
- Có nguồn gốc từ KTCT cổ điển
- Cũng là những người đầu tiên ứng dụng phương pháp lịch sử vào nghiên cứu kinh tế, phê phán gay gắt CNTB và muốn thay nó bằng nền sản xuất hàng hóa nhỏ.

6.2. Kinh tế chính trị Tiểu tư sản

6.2.2. Xixmônđi (Sismondi)

- Sinh ở Giơnevơ, Thụy Sĩ. Thuộc tầng lớp quý tộc lâu đời
- Tốt nghiệp đại học làm việc ở một ngân hàng tại Lion
- Di cư sang Anh, cảm nhận những ưu việt và mặt trái mà nền công nghiệp sản sinh ra
- 1819, viết tác phẩm “Những nguyên lý mới của khoa KTCT hay bàn về của cải trong mối quan hệ của nó với nhân khẩu”

(1773 – 1842)






* Tư tưởng kinh tế của Xixmôđi:

Phát triển KTCT cổ điển và đặt cơ sở cho khuynh hướng KTCT tiểu tư sản.

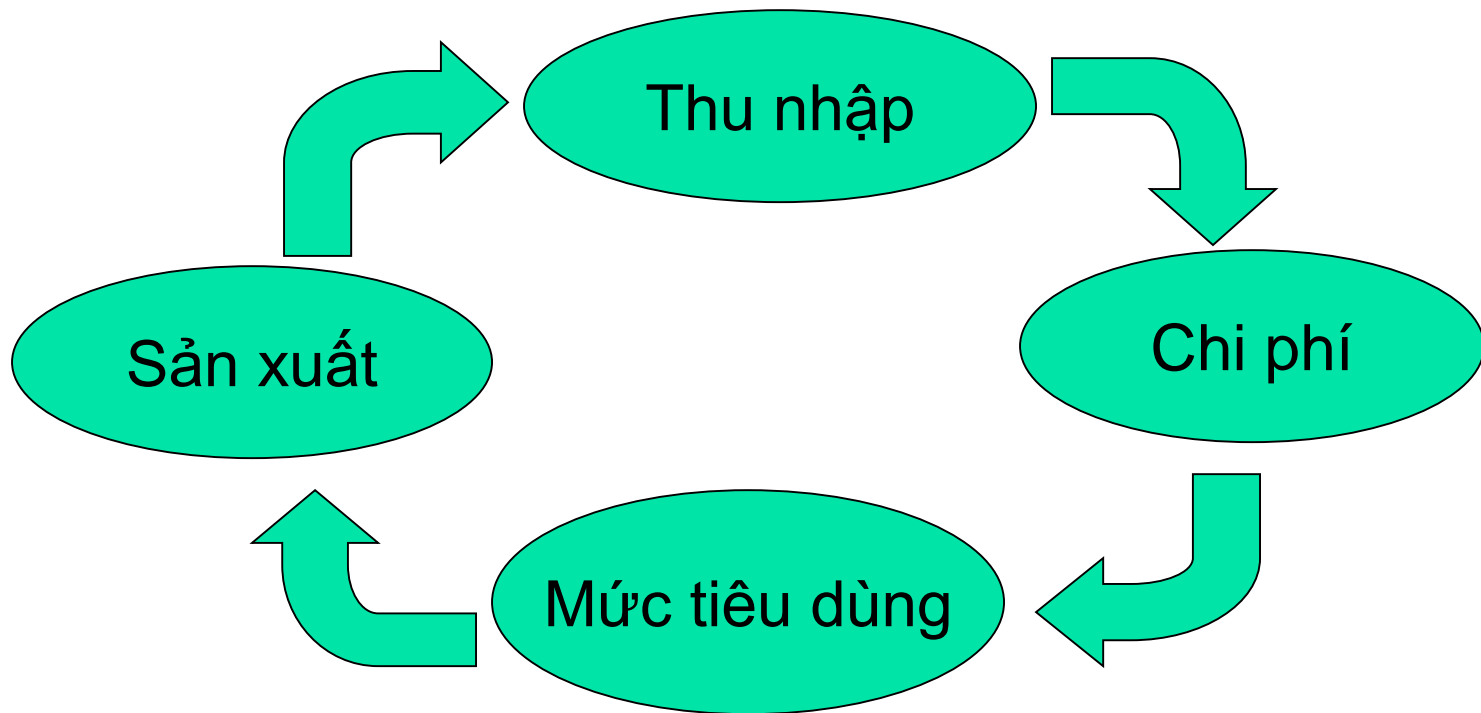
- Phát triển lý thuyết giá trị lao động, tác dụng của đại công nghiệp với sự phát triển KT, khủng hoảng KT...
- Vạch rõ mâu thuẫn của nền sản xuất TBCN.
- Phê phán KTCT cổ điển coi con người là phương tiện làm tăng của cải.
- Mở rộng hơn nữa đối tượng của KTCT.

6.2. Kinh tế chính trị Tiểu tư sản

6.2.2. Học thuyết kinh tế của Xixmônđi (Sismondi)

- Sáng lập khuynh hướng thể chế trong khoa học kinh tế
- Khủng hoảng kinh tế là tất yếu từ tự do cạnh tranh (phê phán thuyết tiêu thụ của Say, cung tự phát bằng cầu)
- *Sự phân tích phát triển kinh tế theo chu trình:* mang đậm dấu ấn Biểu kinh tế của Kê nê và sự phân tích tái sản xuất của Smith. 
- *Học thuyết về thu nhập: (tr 152)*
- Thu nhập năm ngoái được trả cho sản xuất năm nay, vậy do đâu cầu tiêu dùng thiếu hụt? Làm thế nào để SX tiếp tục phát triển (tăng cầu)?

Sơ đồ: Sự phân tích phát triển kinh tế theo chu trình





Sự phân tích phát triển kinh tế theo chu trình

- Chu trình kinh tế đi theo một vận động vòng tròn, mỗi hậu quả đến lượt nó lại trở thành nguyên nhân, mỗi bước được điều tiết bởi bước trước nó và cũng quyết định bước sau
- Sự vận động làm cho của cải tăng lên, nếu như tỷ lệ giữa các bộ phận bị phá vỡ thì nền kinh tế sẽ ách tắc => Khủng hoảng kinh tế
- Trong chu trình kinh tế thì *sản xuất quyết định tiêu dùng* nhưng trong tái sản xuất thì *tiêu dùng quyết định sản xuất*

6.2. Kinh tế chính trị Tiểu tư sản



6.2.3. Học thuyết kinh tế của Prudông (Proudhon)

- * Thân thế sự nghiệp: (1809 – 1865)
- * học thuyết kinh tế:
 - Dựa trên cơ sở triết học duy tâm siêu hình.
 - Chống lại tư hữu lớn nhưng muốn giữ lại tư hữu nhỏ.
 - Lý luận về giá trị cấu thành 
 - Thuyết tín dụng và ngân hàng 

Thực chất chế độ tín dụng và ngân hàng này là chế độ của những người sản xuất hàng hóa nhỏ

Lý luận về giá trị cấu thành

- Hàng hoá có 2 mặt, GTSD (dồi dào) và GTTĐ (khan hiếm), đối lập nhau.
 - Khi hàng hóa bán được thì giá trị của nó được xác nhận, mâu thuẫn giữa H – T cũng biến mất, đó là “giá trị cấu thành”,
- Ý định gạt bỏ mâu thuẫn giữa H và T, giữa lao động tư nhân và lao động xã hội hay các mâu thuẫn của sản xuất hàng hóa, muốn biến H thành T, chỉ giữ lại nền sản xuất hàng hóa nhỏ, phôi thai H – H.



Thuyết tín dụng và ngân hàng

- “chế độ cộng hòa”: mỗi người lấy một phần lao động của mình để cấp tín dụng cho người khác, không lấy lãi, không tồn kém. Thực chất đã biến xã hội thành những người sản xuất hàng hóa nhỏ.
- Phác thảo một kiểu ngân hàng đặc biệt, cấp tín dụng theo quyền cầm cố, không lấy lợi tức. Toàn thể những người sản xuất tự nguyện ứng trước sản phẩm và dịch vụ, và lấy ra từ đó những sản phẩm và dịch vụ họ cần với trị giá tương đương...
- Thực chất là chế độ của những người SX hàng hóa nhỏ. Nhà nước, nhà TB, tiền tệ bị loại khỏi chế độ này.

6.3. Học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng

6.3.1. Sự ra đời, đặc điểm và ý nghĩa

- Không tưởng XH có từ rất sớm trong lịch sử. CNXH không tưởng ra đời cuối tk XVIII đầu XIX.
- Bối cảnh: CM công nghiệp hoàn thành; nền SX xã hội phát triển mạnh mẽ, phân hóa XH gay gắt; giai cấp công nhân chưa trở thành lực lượng chính trị độc lập.
- Biểu thị sự bất bình tự phát của giai cấp công nhân chống lại ách áp bức tư bản, tìm con đường mới cho một XH công bằng.
- Đặc điểm học thuyết kinh tế: Kế thừa và phát triển KTCT cổ điển. phê phán gay gắt CNTB, vạch rõ sự tồn tại lịch sử của CNTB.

6.3. Học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng

6.3.2. Xanhximông (Saint Simon)

- **Thân thể sự nghiệp**
- 1760 – 1825
- Dòng dõi quý tộc Pháp, từng kinh doanh và giàu có, sau này bị phá sản.
- Tham gia cuộc chiến tranh giành độc lập của nước Mỹ (1776 – 1783)
- Hoạt động tích cực trong CMTS Pháp (1789 – 1792)
- Để lại một di sản văn học lớn.



6.3.2. Xanhximông (Saint Simon)

- * **Quan niệm về lịch sử phát triển xã hội:**
 - Đưa phương pháp lịch sử vào nghiên cứu KT
 - Sự phát triển xã hội tuân theo những qui luật nhất định,
 - Quá trình phát triển XH vừa thống nhất, vừa đứt đoạn, một chế độ XH này sẽ bị thay thế bằng một XH khác.
 - Tri thức, văn minh trí tuệ được coi là động lực của sự phát triển.

6.3.2. Xanhximông (Saint Simon)

*** Phê phán CNTB:**

- Trong CNTB tồn tại cạnh tranh tự do: ngẫu nhiên một số người được tôn sùng, giàu có, số còn lại thì phá sản, bần cùng
- Tổ chức xã hội TB không hoàn thiện, con người phải bóc lột, lừa bịp nhau
- Chính phủ không chăm lo đến dân nghèo

6.3.2. Xanhximông (Saint Simon)

- * Dự án về hệ thống công nghiệp mới:
 - Xã hội gồm 3 giai cấp: nông gia, nhà chế tạo và thương nhân. Nhà công nghiệp quyết định trong sự phát triển của LLSX.
 - Khoa học, nghệ thuật và CN được đánh giá cao hơn cả, quyết định sự phồn thịnh của xã hội.
 - Mục đích nền sản xuất là làm ra những vật có ích, xã hội là liên minh của những người lao động có ích, chế độ tư hữu sẽ bị cải tạo.
 - Chính quyền hành chính do các nhà bác học, nghệ thuật, công nghiệp đảm nhận.
 - Phương pháp để đạt đến xã hội đó là nhờ sự giúp đỡ của các nhà nước tư bản. (con đường không tưởng)

6.3. Học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng

6.3.3. Phuriê (Fourier)

- * Thân thế sự nghiệp: (1772 – 1837)
 - Gia đình thương nhân, bản thân tham gia kinh doanh khi còn trẻ.
 - * Quan điểm về sự phát triển lịch sử xã hội:
Lịch sử loài người phát triển theo hướng đi lên, từ thấp tới cao
 - * Phê phán CNTB: gay gắt nhất, sâu sắc nhất và toàn diện nhất.
 - * Kế hoạch xây dựng xã hội tương lai: ông gọi là chế độ XHCN
- Cơ sở kinh tế: nền đại sản xuất, nông nghiệp là cơ sở, công xưởng là sự bổ sung cần thiết và ở vị trí thứ 2.



6.3.3. Phuriê (Fourier)

- * Phê phán CNTB gay gắt nhất, sâu sắc nhất và toàn diện nhất.
- Xã hội đối trá, tai họa là do thương nghiệp (cho thương nghiệp là hình thái chủ yếu của TB);
- Cạnh tranh tự do dẫn đến đối kháng không thể điều hòa, không có sự cân đối ngành, không thực hiện được quyền tối thiểu – quyền có việc làm.
- Cạnh tranh tự do nảy sinh ra tập trung sản xuất và dẫn tới độc quyền.

Góp phần vạch rõ mặt trái của CNTB, là cơ sở đi đến kế hoạch xây dựng xã hội tương lai.



6.3.3. Phuriê (Fourier)

*** Kế hoạch xây dựng xã hội tương lai**

Từ CNTB đến CNXH gồm 3 giai đoạn: nửa hiệp hội, hiệp hội giản đơn và hiệp hội phức tạp.

- Hiệp hội hoạt động như công ty cổ phần duy nhất của các cổ đông, vẫn còn tư hữu và bất bình đẳng nhưng người nghèo được đảm bảo mức sống tối thiểu. Người tư hữu nhận lãi cổ phần của hiệp hội.
- Thu nhập của hiệp hội được chia thành 3 phần căn cứ vào lao động, tư bản và tài năng.

Ông xây dựng các hiệp hội kiểu mẫu ở Pháp rồi ở Mỹ để làm gương nhưng sau mấy năm đều bị tan rã.



6.3.3. Phuriê (Fourier)

*** Ý nghĩa học thuyết Phuriê**

- Quan điểm phát triển xã hội sâu sắc.
- Cái nhìn toàn diện hơn về CNTB
- Phác họa và thử nghiệm xây dựng xã hội tương lai độc đáo
- Ý tưởng xây dựng XH mới không dừng đến chế độ tư hữu TB, chỉ là những cải cách cải lương trong xã hội TB
- Đặt nông nghiệp lên trên công nghiệp khi công nghiệp đã chiếm địa vị thống trị trong CNTB (nuối tiếc quá khứ?)

6.3. Học thuyết kinh tế của CNXH không tưởng

6.3.4. Ô Oen (Owen) 1771 – 1858

- CNXH không tưởng Anh tk XIX, gắn gũi với giai cấp công nhân, mang tính chất ứng dụng thử nghiệm
- * Hoạt động thực tiễn của Ô Oen
- Thử nghiệm cải thiện điều kiện sống và làm việc của công nhân trong công xưởng của mình, lập thành công xã
- Kêu gọi chính quyền ủng hộ thành lập công xã theo mô hình mới.
- Cùng 4 con trai sang Mỹ, lập công xã “Sự hòa hợp mới” nhưng cũng chỉ tồn tại được vài năm rồi tan rã.
- Về Anh, xuất bản tạp chí tuyên truyền về tư tưởng HTX và cửa hàng trao đổi.

6.3.4. Ô Oen (Owen) 1771 – 1858

- * Sự phê phán CNTB:
 - Phê phán chế độ tư hữu tài sản.
 - CNTB có mục đích trực tiếp là lợi nhuận, người làm thuê chỉ được coi là công cụ để làm giàu.
 - Phân phối của cải không đúng đắn.
 - Có kế hoạch cải tổ toàn bộ nền sản xuất TBCN, trong đó TLSX là của chung, bước đầu phân phối theo lao động ...

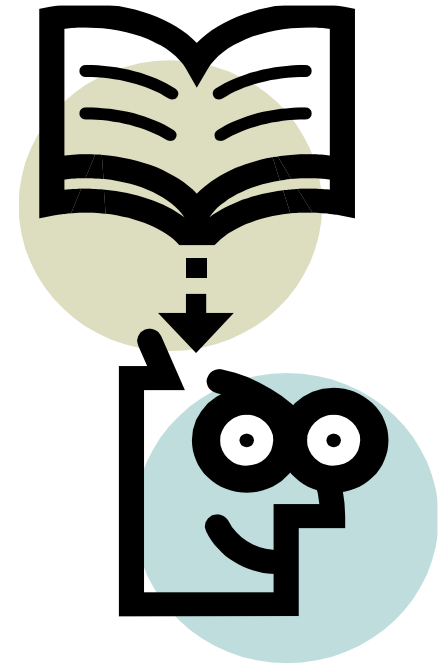
6.3.4. Ô Oen (Owen) 1771 – 1858

Đánh giá:

- + Sự phê phán CNTB khá triệt để;
- + Có dự đoán thiên tài về xã hội tương lai.
- + Tin vào sức mạnh vô hạn của lý trí, và để đi đến xã hội tương lai chỉ cần thuyết phục, nêu gương là đủ (không tưởng)

Thảo luận

Sự giống nhau và khác nhau giữa CNXH không tưởng Anh và CNXH không tưởng Pháp?



Thảo luận

Phân tích ý nghĩa:

- học thuyết KTCT Tâm thường?
- KTCT Tiểu tư sản?
- CNXH không tưởng?

